

BẢNG 6
BẢNG GIÁ ĐẤT Ở QUẬN 8

(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND
ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ ĐOẠN	ĐẾN ĐOẠN	
1	2	3	4	5
1	AN DƯƠNG VƯƠNG	CẢNG PHÚ ĐỊNH	CẦU MỸ THUẬN	8.600
2	ÂU DƯƠNG LÂN	TRỌN ĐƯỜNG		14.000
3	BA ĐÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		9.800
4	BẾN CÂN GIUỘC	TRỌN ĐƯỜNG		10.400
5	BẾN PHÚ ĐỊNH	TRỌN ĐƯỜNG		6.200
6	BẾN XÓM CÚI	TRỌN ĐƯỜNG		8.400
7	BẾN Ụ CÂY	CẦU CHÁNH HƯNG	CẦU PHÁT TRIỂN	4.800
8	BÌNH ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG (PHƯỜNG 11)	CẦU CHÀ VÀ	9.800
		CẦU CHÀ VÀ	CẦU SỐ 1	14.600
		CẦU SỐ 1	CẦU VĨNH MẬU	7.200
9	BÌNH ĐỨC	TRỌN ĐƯỜNG		5.300
10	BÔNG SAO	PHẠM THẾ HIÊN	BÙI MINH TRỰC	7.000
		BÙI MINH TRỰC	TẠ QUANG BỬU	7.200
11	BÙI HUY BÍCH	TRỌN ĐƯỜNG		8.400
12	BÙI MINH TRỰC	BÔNG SAO	QUỐC LỘ 50	11.200
		QUỐC LỘ 50	CUỐI ĐƯỜNG	10.500
13	CÂY SUNG	TRỌN ĐƯỜNG		6.900
14	CAO LỖ	PHẠM THẾ HIÊN	CUỐI ĐƯỜNG	11.200
15	CAO XUÂN DỤC	TRỌN ĐƯỜNG		12.600
16	CÁC ĐƯỜNG LÔ TRONG KHU DÂN CƯ PHƯỜNG 9, 10	TRỌN ĐƯỜNG		7.000
17	CÁC ĐƯỜNG SỐ CHẴN PHƯỜNG 4, 5	TRỌN ĐƯỜNG		9.800
18	CÁC ĐƯỜNG SỐ LẺ PHƯỜNG 4, 5	TRỌN ĐƯỜNG		8.800
19	CÁC ĐƯỜNG TRONG KHU DÂN CƯ MỞI BẢO THANH NIÊN PHƯỜNG 1	ĐƯỜNG LỘ GIỚI ≥ 12M		9.600
		ĐƯỜNG LỘ GIỚI < 12M		8.400
20	CÁC ĐƯỜNG TRONG KHU DÂN CƯ MỞI PHƯỜNG 4	ĐƯỜNG LỘ GIỚI ≥ 12M		9.600
		ĐƯỜNG LỘ GIỚI < 12M		8.400
21	CÁC ĐƯỜNG TRONG KHU DÂN CƯ MỞI PHƯỜNG 5	ĐƯỜNG LỘ GIỚI ≥ 12M		11.000
		ĐƯỜNG LỘ GIỚI < 12M		9.200
22	CÁC ĐƯỜNG TRONG KHU DÂN CƯ MỞI PHƯỜNG 6	ĐƯỜNG LỘ GIỚI ≥ 12M		7.600
		ĐƯỜNG LỘ GIỚI < 12M		7.000
23	CÁC ĐƯỜNG TRONG KHU DÂN CƯ MỞI PHƯỜNG 7	ĐƯỜNG LỘ GIỚI ≥ 12M		4.000
		ĐƯỜNG LỘ GIỚI < 12M		3.300
24	CÁC ĐƯỜNG TRONG KHU	ĐƯỜNG LỘ GIỚI ≥ 12M		4.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ ĐOẠN	ĐẾN ĐOẠN	
1	2	3	4	5
24	DÂN CƯ MỚI PHƯỜNG 16	ĐƯỜNG LỘ GIỚI < 12M		3.900
25	ĐA NAM	TRỌN ĐƯỜNG		12.600
26	DÃ TƯỢNG	TRỌN ĐƯỜNG		10.600
27	DƯƠNG BÁ TRẠC	PHẠM THẾ HIÊN	CẦU SÔNG XÁNG	25.800
		TRƯỜNG RẠCH ÔNG	CÁNG PHƯỜNG 1	15.400
28	ĐẶNG CHÁT	TRỌN ĐƯỜNG		14.300
29	ĐÀO CAM MỘC	TRỌN ĐƯỜNG		9.800
30	ĐẠI LỘ VÕ VĂN KIẾT (ĐẠI LỘ ĐÔNG TÂY CŨ)	TRỌN ĐƯỜNG		12.600
31	ĐÌNH AN TÀI	TRỌN ĐƯỜNG		2.800
32	ĐÌNH HOÀ	TRỌN ĐƯỜNG		12.600
33	ĐÔNG HỒ (ĐƯỜNG SỐ 11)	TRỌN ĐƯỜNG		10.100
34	DƯƠNG QUANG ĐÔNG (ĐƯỜNG SỐ 1011 PHẠM THẾ HIÊN CŨ)	PHẠM THẾ HIÊN	ĐƯỜNG SỐ 394 TẠ QUANG BỬU	13.600
35	DƯƠNG BẠCH MAI (ĐƯỜNG SỐ 1107 PHẠM THẾ HIÊN CŨ)	PHẠM THẾ HIÊN	ĐƯỜNG SỐ 394 TẠ QUANG BỬU	11.000
36	HOÀNG NGÂN (ĐƯỜNG SỐ 41 CŨ)	AN DƯƠNG VƯƠNG	PHÚ ĐỊNH	6.200
37	PHẠM ĐỨC SƠN (ĐƯỜNG SỐ 42 - 44 CŨ)	ĐƯỜNG SỐ 41	TRƯỜNG ĐÌNH HỘI	6.200
38	LÊ BÔI (ĐƯỜNG NỐI BA TƠ - PHẠM THẾ HIÊN CŨ)	PHẠM THẾ HIÊN	TRỊNH QUANG NGHỊ (BA TƠ CŨ)	4.200
39	ĐƯỜNG SỐ 111 (PHƯỜNG 9)	TRỌN ĐƯỜNG		8.400
40	ĐƯỜNG VÀO KHU DÂN CƯ PHÚ LỢI			4.100
41	ĐƯỜNG VEN SÔNG XÁNG	TRỌN ĐƯỜNG		8.000
42	HỒ HỌC LÂM	TRỌN ĐƯỜNG		7.500
43	HOÀNG MINH ĐẠO	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
44	HÙNG PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		14.600
45	HOÀI THANH	TRỌN ĐƯỜNG		7.000
46	HOÀNG ĐẠO THUYẾT	TRỌN ĐƯỜNG		3.100
47	HOÀNG SĨ KHẢI	TRỌN ĐƯỜNG		5.600
48	HUYỀN THỊ PHỤNG	TRỌN ĐƯỜNG		10.400
49	LÊ QUANG KIM	TRỌN ĐƯỜNG		7.600
50	LÊ THÀNH PHƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		5.000
51	LƯƠNG NGỌC QUYÊN	TRỌN ĐƯỜNG		10.600
52	LƯƠNG VĂN CÁN	TRỌN ĐƯỜNG		6.900
53	LƯU HỮU PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		5.200
54	LƯU QUÝ KỶ	TRỌN ĐƯỜNG		8.400
55	LÝ ĐẠO THÀNH	TRỌN ĐƯỜNG		4.600
56	MẠC VĂN	TRỌN ĐƯỜNG		7.200
57	MAI HẮC ĐẾ	TRỌN ĐƯỜNG		5.300
58	MAI AM	TRỌN ĐƯỜNG		5.600
59	MỄ CỐC	TRỌN ĐƯỜNG		5.300
60	NGÔ SĨ LIÊN	TRỌN ĐƯỜNG		5.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ ĐOẠN	ĐẾN ĐOẠN	
1	2	3	4	5
61	NGUYỄN CHÉ NGHĨA	TRỌN ĐƯỜNG		12.600
62	NGUYỄN DUY	TRỌN ĐƯỜNG		8.400
63	NGUYỄN NGỌC CUNG	TRỌN ĐƯỜNG		4.600
64	NGUYỄN NHƯỢC THỊ	TRỌN ĐƯỜNG		5.600
65	NGUYỄN QUYÊN	TRỌN ĐƯỜNG		10.200
66	NGUYỄN SĨ CÔ	TRỌN ĐƯỜNG		5.000
67	NGUYỄN THỊ THẬP	TRỌN ĐƯỜNG		11.200
68	NGUYỄN THỊ TÀN	TRỌN ĐƯỜNG		19.800
69	NGUYỄN VĂN CỬA	TRỌN ĐƯỜNG		12.200
70	NGUYỄN VĂN LINH	ĐOẠN QUẬN 8		8.400
71	PHẠM HÙNG (P4, P5)	PHẠM THÊ HIÊN	CHÂN CẦU CHÁNH HUNG	12.800
		CHÂN CẦU CHÁNH HUNG	RANH HUYỆN BÌNH CHÁNH	25.800
72	PHẠM HÙNG (P9, P10)	BA ĐÌNH	HUNG PHÚ	12.800
		HUNG PHÚ	NGUYỄN DUY	8.400
73	PHẠM THÊ HIÊN	CẦU RẠCH ÔNG	CẦU NHỊ THIÊN ĐƯỜNG	13.600
		CẦU NHỊ THIÊN ĐƯỜNG	CẦU BÀ TÀNG	12.000
		CẦU BÀ TÀNG	CUỐI ĐƯỜNG	6.700
74	PHONG PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		12.600
75	QUỐC LỘ 50	PHẠM THÊ HIÊN	CHÂN CẦU NHỊ THIÊN ĐƯỜNG	9.800
		CHÂN CẦU NHỊ THIÊN ĐƯỜNG	RANH HUYỆN BÌNH CHÁNH	16.400
76	RẠCH CÁT	TRỌN ĐƯỜNG		5.300
77	RẠCH CÙNG	TRỌN ĐƯỜNG		2.800
78	RẠCH LÔNG ĐÈN	TRỌN ĐƯỜNG		2.800
79	TẠ QUANG BỬU	CÁNG PHƯỜNG 1	DƯƠNG BÁ TRẠC	11.200
		DƯƠNG BÁ TRẠC	ÂU DƯƠNG LÂN	11.200
		ÂU DƯƠNG LÂN	PHẠM HÙNG	11.200
		PHẠM HÙNG	BÔNG SAO	16.200
		BÔNG SAO	QUỐC LỘ 50	14.600
		QUỐC LỘ 50	RẠCH BÀ TÀNG	9.800
80	TRẦN NGUYỄN HẪN	TRỌN ĐƯỜNG		12.200
81	TRẦN VĂN THÀNH	TRỌN ĐƯỜNG		9.200
82	TRỊNH QUANG NGHỊ	TRỌN ĐƯỜNG		5.000
83	TRƯƠNG ĐÌNH HỘI	TRỌN ĐƯỜNG		6.200
84	TÙNG THIỆN VƯƠNG	CẦU NHỊ THIÊN ĐƯỜNG (2 BÊN HÔNG CẦU)	NGUYỄN VĂN CỬA	9.900
		NGUYỄN VĂN CỬA	ĐÌNH HOÀ	18.200
		ĐÌNH HOÀ	CUỐI ĐƯỜNG	12.600
85	TUY LÝ VƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		12.600
86	ƯU LONG	TRỌN ĐƯỜNG		10.200
87	VẠN KIẾP	TRỌN ĐƯỜNG		12.100
88	VĨNH NAM	TRỌN ĐƯỜNG		10.200
89	VÕ TRÚ	TRỌN ĐƯỜNG		10.200
90	BÙI ĐIÊN (ĐƯỜNG SỐ 8 CŨ)	HỒ THÀNH BIÊN	CUỐI TUYẾN (CẮT QUA ĐƯỜNG PHẠM HÙNG)	9.800

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ ĐOẠN	ĐẾN ĐOẠN	
1	2	3	4	5
91	CHÂU THỊ HÓA (ĐƯỜNG SỐ 198 CAO LỖ CŨ)	ĐƯỜNG SỐ 783 TẠ QUANG BỬU	CAO LỖ	9.800
92	ĐẶNG THỨC LIÊNG (ĐƯỜNG SỐ 10 CŨ)	ĐỖ NGỌC QUANG	CUỐI TUYẾN (CẮT QUA ĐƯỜNG PHẠM HÙNG)	9.800
93	ĐỖ NGỌC QUANG (ĐƯỜNG SỐ 23 CŨ)	PHẠM THẾ HIÊN	HỒ THÀNH BIÊN	8.800
94	HỒ THÀNH BIÊN (ĐƯỜNG SỐ 16 CŨ)	PHẠM HÙNG	RẠCH DU	9.800
95	HOÀNG KIM GIAO (ĐƯỜNG SỐ 332 PHẠM HÙNG CŨ)	PHẠM HÙNG	DƯƠNG BẠCH MAI	9.600
96	LÊ NINH (ĐƯỜNG SỐ 4 CŨ)	HUỲNH THỊ PHỤNG	ĐƯỜNG SỐ 31	9.800
97	LÊ QUYÊN (ĐƯỜNG SỐ 12 CŨ)	DƯƠNG QUANG ĐÔNG	ĐÔNG HỒ	9.800
98	NGUYỄN ĐỨC NGŨ (ĐƯỜNG SỐ 2 CŨ)	ĐƯỜNG SỐ 31	ĐÔNG HỒ	9.800
99	NGUYỄN THỊ MƯỜI (ĐƯỜNG SỐ 204 CAO LỖ CŨ)	ĐƯỜNG SỐ 783 TẠ QUANG BỬU	CAO LỖ	9.600
100	PHẠM NHỮ TĂNG (ĐƯỜNG SỐ 643 TẠ QUANG BỬU CŨ)	TẠ QUANG BỬU	TRẦN THỊ NGÔI	9.600
101	PHẠM THỊ TÁNH (ĐƯỜNG SỐ 152 CAO LỖ CŨ)	ĐƯỜNG SỐ 783 TẠ QUANG BỬU	CAO LỖ	9.600
102	QUẢN TRỌNG LINH (ĐƯỜNG VÀO TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI BÌNH ĐIỀN)	NGUYỄN VĂN LINH	SÔNG CÀN GIUỘC	8.400
103	TÁM DANH (ĐƯỜNG SỐ 13 CŨ)	BÙI ĐIỀN	HÈM LÔ ĐƯỜNG PHẠM HÙNG (CẮT QUA ĐƯỜNG TẠ QUANG BỬU)	8.800
104	TRẦN THỊ NƠI (ĐƯỜNG SỐ 130 CAO LỖ CŨ)	ĐƯỜNG SỐ 715 TẠ QUANG BỬU	CAO LỖ	9.600
105	TRẦN THỊ NGÔI (ĐƯỜNG SỐ 284 CAO LỖ CŨ)	ĐƯỜNG SỐ 715 TẠ QUANG BỬU	CAO LỖ	9.600
106	THANH LOAN (ĐƯỜNG SỐ 318 PHẠM HÙNG CŨ)	PHẠM HÙNG	DƯƠNG QUANG ĐÔNG	9.600
107	VÔ LIÊM SƠN (ĐƯỜNG SỐ 715 TẠ QUANG BỬU CŨ)	TẠ QUANG BỬU	TRẦN THỊ NGÔI	9.600

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ